

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2023

“V/v xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Xuân T Dương - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21/4/2023 về việc Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp Ch, xã P, huyện Ph, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trương Minh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Trương Minh T đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2017, tại UBND xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân hơn 02 năm nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó anh L yêu cầu xin ly hôn với chị T

Về con chung: Anh L và chị T có 01 người con chung tên Lê Bảo Tr, sinh ngày 31/7/2017, hiện cháu Tr đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh L yêu cầu giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn: chị Trương Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Trương Minh T đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2017, tại UBND xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Hôn

nhân tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau và đã ly thân 02 năm nay. Mặc dù hiện tại chị T không còn tình cảm với anh L, nhưng chị T không có lỗi, nên không đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T và anh L có 01 người con chung tên Lê Bảo Tr, sinh ngày 31/7/2017, hiện con chung đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 xe Exciter biển số 69N1 - 074.97, mua năm 2020, do anh L đứng tên quyền sở hữu. Hiện nay xe anh L đã bán. Chị T tự đưa ra giá chiếc xe là 14.000.000 đồng và yêu cầu anh L trả lại giá trị cho chị T bằng số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Ngoài ra hai vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Không có

Về nợ riêng: Chị T có hỏi mượn giùm anh L tổng số tiền 13.500.000 đồng. Số tiền này hiện nay chị T đã trả cho những người chị T mượn, nên yêu cầu anh L trả lại cho chị T tổng số tiền 13.500.000 đồng.

Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Văn L và chị Trương Minh T xác định hiện anh, chị đã ly thân hơn 02 năm, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Tại phiên tòa, anh L yêu cầu xin ly hôn với chị T. Chị T xác định hiện chị không còn tình cảm với anh L, nhưng không đồng ý ly hôn với anh L. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Lê Văn L và chị Trương Minh T đã ly thân hơn 02 năm, mâu thuẫn giữa anh L và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh L, cho anh L ly hôn với chị T.

[2] Anh Lê Văn L và chị Trương Minh T có 01 người con chung tên Lê Bảo Tr, sinh ngày 31/7/2017, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh L yêu cầu giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Chị T yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nuôi con. Yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy hiện mức chi phí sinh hoạt xã hội tăng cao, khoản tiền để chăm sóc, nuôi dưỡng con cái cao. Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là không cao, phù hợp nên cần chấp nhận.

[3] Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T cho rằng có tài sản chung, hiện đã bán và yêu cầu chia tài sản chung bằng giá trị, yêu cầu anh L giao lại số tiền 7.000.000 đồng. nhưng không tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, nên không được xem xét.

[4] Anh L và chị T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng, chị T xác định anh L còn thiếu chị T số tiền 13.500.000 đồng, là tiền chị T hỏi mượn giùm anh L. Số tiền này chị T đã trả cho những người chị T mượn nợ, nên nay yêu cầu anh L trả lại cho chị T tổng số tiền 13.500.000 đồng. Tuy nhiên, chị T cũng không tạm ứng án phí theo quy định pháp luật, nên cũng không được xem xét.

[5] Do chị T không tạm ứng án phí về chia tài sản và nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của chị T trong vụ án này. Chị T có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn L, cho anh Lê Văn L ly hôn với chị Trương Minh T.

Về con chung: Giao cháu Lê Bảo Tr, sinh ngày 31/7/2017 cho chị Trương Minh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Định kỳ cấp dưỡng hằng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Lê Văn L phải nộp 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Lê Văn L phải nộp 300.000 đồng. Tổng hai khoản là 600.000 đồng. Ngày 21/4/2023, anh L có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên Li thu số 0003236, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau. Đối trừ, anh L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm